TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯƠNG KHÊ** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2018/DS-ST
Ngày: 05 - 3 - 2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Công Thanh và Ông Trịnh Xuân Minh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Mai Văn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Thái Nữ Trâm Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh xét xử công khai vụ án thụ lý số 22/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 24/01/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST-DS ngày 08/02/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N

Trụ sở: số 02 L, phương T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Công L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N, chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Công L: ông Bùi Quang T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hành N, chi nhánh huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bị đơn: Ông Phan Văn Đ, bà Lưu Thị H; Địa chỉ: đều trú tại khối T, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Bà H có mặt; ông Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/10/2017, bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là Ngân hàng N và lời khai trong quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Quang T trình bày:

Ngày 25/6/2008 Ngân hàng N, và ông Phan Văn Đ (chồng của bà Lưu Thị H) ký hợp đồng tín dụng với nội dung:

- Ngân hàng N cho ông Phan Văn Đ vay số tiền 250.000.000đ;

- Lãi suất tiền vay: 1,75%/tháng từ ngày 25/6/2008, lãi suất cho vay được điều chỉnh đến 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố theo từng thời điểm và được tính ngay sau khi có thông báo.

- Phương pháp trả lãi tiền vay: 02 tháng.

- Lãi suất nợ quá hạn: Nếu bên vay không trả nợ gốc, lãi đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn hoặc gia hạn trả nợ gốc thì Ngân hàng sẽ chuyển dư nợ thực tế sang nợ quá hạn và bên vay phải chịu lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tương ứng.

- Thời hạn cho vay là 24 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng.

Để đảm bảo khoản vay trên, ngày 25/6/2008, giữa Ngân hàng N và ông Phan Văn Đ, bà Lưu Thị H đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có nội dung: ông Đ và bà H thế chấp quyền sử dụng đất có diện tích 108m^2 tại khối 7, thị trấn H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T049821, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00386/QSDĐ/28QĐ/UB-2004, do UBND huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 12/01/2004. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký ngày 25/6/2008 tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất huyện H.

Ngân hàng N đã thực hiện việc giải ngân tiền cho ông Đ, bà H theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký kết với số tiền là 250.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng kể từ ngày vay đến ngày 13/10/2009 ông Đ, bà H đã trả được tổng số tiền lãi là 58.458.301 đồng. Ngày 24/01/2009 Ngân hàng đã thỏa thuận giảm lãi suất cho gia đình ông Đ, bà H xuống còn 15%/năm. Ngày 26/5/2009 khoản vay của ông Đ, bà H đến hạn phân kỳ trả nợ gốc 125.000.000đ, Ngân hàng đã có văn bản yêu cầu trả nợ nhưng ông Đ, bà H vẫn không chịu trả nợ và không thực hiện việc đóng lãi hàng tháng đúng hạn dẫn đến nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và ông Đ, bà H đã làm cam kết trả nợ nhiều lần song đến nay vẫn không trả nợ vay, lãi cho Ngân hàng N.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (05/3/2018) ông Đ, bà H còn nợ Ngân hàng N:

- Nợ gốc: 250.000.000 đồng.

- Lãi: 428.567.708 đồng (trong đó, lãi trong hạn là 288.229.167 đồng và lãi quá hạn là 140.338.542 đồng)

- Tổng cộng: 678.567.708 đồng.

Ngân hàng N đề nghị Tòa án buộc ông Đ, bà H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 05/3/2018 là 678.567.708 đồng. Kể từ

ngày 06/3/2018 ông Đ, bà H phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký 25/6/2008.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/6/2008 giữa ông Đ, bà H với Ngân hàng N cho đến khi ông Đ, bà H thực hiện xong việc trả nợ.

Bị đơn bà Lưu Thị H trình bày:

Thừa nhận toàn bộ các nội dung liên quan đến việc ký kết, thực hiện Hợp đồng và yêu cầu khởi kiện đúng như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Mục đích vợ chồng vay vốn là để đầu tư làm ăn phát triển kinh tế, nhưng do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng mất khả năng chi trả. Ngân hàng có yêu cầu trả nợ nhưng do hiện nay chồng là ông Phan Văn Đ đang đi điều trị bệnh ở xa, không có mặt tại địa phương, do đó xin Ngân hàng cho khoanh nợ và chỉ trả nợ gốc. Còn về án phí thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn, giảm vì gia đình thuộc diện hộ cận nghèo tại địa phương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các bên đương sự; mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để công khai cho các bên đương sự về các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án mà các bên đương sự đã cung cấp.

- *Ý kiến của vị đại diện VKSND huyện Hương K tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn bà Lưu Thị H đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn ông Phan Văn Đ đã không đến Tòa án để ghi bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo giấy thông báo của Tòa án, và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do đã vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 274, 275, 280, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 351, 353, 357, 466, 468, 470 BLDS năm 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Phan Văn Đ, bà Lưu Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 678.567.707 đồng, trong đó nợ gốc là 250.000.000 đồng, nợ lãi phát sinh tính đến ngày 05 tháng 3 năm 2018 là 428.567.708 đồng.

Kể từ ngày 06 tháng 3 năm 2018, ông Đ, bà H tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 25/6/2008 cho đến khi ông Đ, bà H thực hiện xong việc trả nợ.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/6/2008 giữa ông Đ, bà H với Ngân hàng N cho đến khi ông Đ, bà H thực hiện xong việc trả nợ.

+ Về án phí: Trả lại cho Ngân hàng N tiền tạm ứng án phí đã nộp. Miễn án phí cho ông Phan Văn Đ, bà Lưu Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng N với bị đơn là ông Phan Văn Đ, bà Lưu Thị H, có địa chỉ cư trú tại: tổ dân phố X, thị trấn H, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì việc Tòa án nhân dân huyện Hương Khê thụ lý giải quyết vụ án là hoàn toàn đúng thẩm quyền.

Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Lưu Thị H có mặt tại Tòa theo giấy triệu tập, còn ông Phan Văn Đ mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng vẫn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, và các phiên tòa không rõ lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dụng:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn: Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng N với ông Phan Văn Đ (chồng của bà Lưu Thị H) ngày 25/6/2008 đã được ký kết trên cơ sở tự nguyện, những người tham ký kết hợp đồng có đủ thẩm quyền, đủ năng lực pháp luật và hành vi dân sự; hình thức, nội dung hợp đồng không vi phạm các điều cấm, không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Như vậy, nội dung và hình thức hợp đồng đã tuân thủ Điều 121 và Điều 122 Bộ luật Dân sự năm 2005 khi giao kết nên xác định đây là Hợp đồng hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng Ngân hàng N đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình là giải ngân số tiền 250.000.000đ cho ông Phan Văn Đ vay và ông Đ, bà H đã nhận đủ số tiền, nhưng ông Đ, bà H đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Do ông Đ, bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng N đã khởi kiện ra Tòa án theo Điều 5 Hợp đồng tín dụng ký ngày 25/6/2008 là có căn cứ.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa thì bà Lưu Thị H thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc 250.000.000đ và tiền nợ lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là 428.567.708đ như đại diện của nguyên đơn trình bày. Tại phiên tòa bà H đề nghị xin Ngân hàng cho khoanh nợ, chỉ trả nợ gốc nhưng người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng ông Bùi Quang T không đồng ý, vì ông không có đủ thẩm quyền giải quyết. Xét thấy việc tính lãi phát sinh của nguyên đơn yêu cầu được thực hiện đúng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn ông Phan Văn Đ, bà Lưu Thị H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 250.000.000đ và tiền lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 05/3/2018 là 428.567.708 đồng. Kể từ ngày 06/3/2018 bị đơn phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 25/6/2008.

- Về xử lý tài sản thế chấp: Xét về nội dung cũng như hình thức của Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh là hợp pháp. Do đó, cần tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/6/2008 giữa ông Đ, bà H với Ngân hàng N cho đến khi ông Đ, bà H thực hiện xong việc trả nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, do đó hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp. Bị đơn ông Phan Văn Đ, bà Lưu Thị H xét thấy thuộc diện hộ cận nghèo do đó cần miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 274, 275, 280, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 351, 353, 357, 466, 468, 470 BLDS năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 16 Điều 4; các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Phan Văn Đ, bà Lưu Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 678.567.708đ (Sáu trăm bảy mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, bảy trăm linh tám đồng), trong đó nợ gốc là 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng), nợ lãi phát sinh tính đến ngày xét xử sơ thẩm (05/3/2018) là 428.567.708đ (Bốn trăm hai mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn, bảy trăm linh tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (06/3/2018), ông Đ, bà H tiếp tục phải chịu tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 25/6/2008.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 25/6/2008 giữa ông Đ, bà H với Ngân hàng N cho đến khi ông Đ, bà H thực hiện xong việc trả nợ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Trả lại cho Ngân hàng N 15.852.000đ (Mười lăm triệu, tám trăm năm mươi hai ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004105 ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh. Miễn toàn bộ án phí cho ông Phan Văn Đ, bà Lưu Thị H.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Hương Khê;
- Chi cục THADS huyện Hương Khê;
- Lưu HSVA - VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(*Đã ký*)

Nguyễn Thanh Tùng